

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Viết Hữu** và ông **Trịnh Ngọc Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy L– sinh năm 1977

Bị đơn: Ông Trần Công S– sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp Bàu Mây, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, Đồng Nai.
(Bà L, ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2022, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông S tìm hiểu yêu thương và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/10/2011.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng bà hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã, mỗi lần ông S la mắng thì còn có lời nói đe dọa đánh đập bà. Nay bà chồng không còn yêu thương ông S, vợ chồng không thể quay về đoàn tụ gia đình, để ổn định cuộc sống riêng bà L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Công S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc L, sinh ngày 06-4-2010 và Trần Ngọc L, sinh ngày 10-02-2008. Khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông Scáp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo bà L, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn ông Trần Công Strình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận lời trình bày của chị Mơ về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân của vợ chồng là đúng sự thật, vợ chồng kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2011.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng anh hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên hay xảy ra cãi vã, trong lúc nóng giận ông có hù dọa đánh bà L nhưng thực tế là ông chưa đánh bà L lần nào. Từ tháng 3/2022 bà L đã về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay Bà, mặc dù vợ chồng không sống chung nhà nhưng L khởi kiện ly hôn thì có ý kiến là hiện nay các con còn nhỏ, bản thân ông theo đạo công giáo nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc L, sinh ngày 06-4-2010 và Trần Ngọc L, sinh ngày 10-02-2008. Trường hợp phải ly hôn, ông đồng ý giao hai con cho bà L nuôi dưỡng, do các con có nguyện vọng muốn sống cùng bà L và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Theo bị đơn, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của các con chung (bản sao), lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ sao gửi tài liệu, chứng cứ; đơn đề nghị Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của các đương sự, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn nguyện vọng của con chung; các biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của các đương sự.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét tình trạng hôn nhân vợ chồng bà L, ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 28 khoản 1, Điều 203, Điều 205, Điều 227 khoản 1 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Đề nghị xem xét: Cho bà L ly hôn với ông S; về con chung: Đề nghị giao hai cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 06-4-2010 và Trần Ngọc L, sinh ngày 10-02-2008 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Công Sơn, tranh chấp về nuôi các con chung là Trần Ngọc L, sinh ngày 06-4-2010 và Trần Ngọc L, sinh ngày 10-02-2008. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Trần Công S có nơi cư trú tại: Ấp Bàu Mây, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai vào ngày 17/10/2011 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Xét đời sống chung của vợ chồng bà L, ông S xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng không thông cảm và chia sẻ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống. Từ tháng 3/2022 cho đến nay vợ chồng ông bà đã không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn của vợ chồng được bị đơn thừa nhận, phù hợp với biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân. Ngoài ra ông

Scũng thừa nhận bản thân ông trong lúc nóng tính có chửi và dùng lời nói đe dọa bà L. Từ chứng cứ như trên nhận thấy ông Sơn, bà L trong quá trình sống chung đã không tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Slà có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Các đương sự thừa nhận vợ chồng 02 (hai) con chung là Trần Ngọc L, sinh ngày 06-4-2010 và Trần Ngọc L, sinh ngày 10-02-2008. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Linh, Lâm, không yêu cầu ông Scấp dưỡng, ông Scũng đồng ý với yêu cầu này của bà L.

[6] Xét thấy từ khi vợ chồng không sống chung thì các con chung đều do bà L trực tiếp chăm sóc, hơn nữa các con đều có nguyện vọng muốn sống chung cùng bà L. Để không xáo trộn đời sống của các con, vì vậy giao hai con cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời ông Skhông phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Bà L, ông Stự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 246 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 85, 91, 92, 93 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; các điều 19, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy L, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với ông Trần Công Sơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị bà Nguyễn Thị Thúy L được ly hôn ông Trần Công Sơn.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao hai con chung là Trần Ngọc L, sinh ngày 06-4-2010 và Trần Ngọc L, sinh ngày 10-02-2008 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu.

Ông S có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002403 ngày 23/3/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông S được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thanh (để ghi vào sổ hộ tịch
- ĐK ngày 17/10/2011);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA